

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 150/1999/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 1999

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thi hành Quyết định số 195/1999/QĐ-TTg ngày 27/9/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc lập, sử dụng và quản lý Quỹ hỗ trợ xuất khẩu

Thi hành Quyết định số 195/1999/QĐ-TTg ngày 27/9/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc lập, sử dụng và quản lý Quỹ hỗ trợ xuất khẩu, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:

A. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

- Quỹ hỗ trợ xuất khẩu được thành lập nhằm thực hiện việc hỗ trợ về tài chính và khuyến khích các doanh nghiệp phát triển kinh doanh xuất khẩu, tìm kiếm và mở rộng thị trường, tăng sức cạnh tranh của hàng hoá Việt Nam xuất khẩu.
- Căn cứ vào chủ trương, nhiệm vụ phát triển kinh tế từng thời kỳ theo chỉ đạo điều hành của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ; tình hình biến động cụ thể trong nước, ngoài nước về thị trường, giá cả, hàng hoá xuất khẩu, tình hình kinh doanh và kết quả tài chính của doanh nghiệp xuất nhập khẩu, Bộ Tài chính tổ chức thực hiện việc hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu có đủ các điều kiện theo quy định tại Thông tư này sau khi trao đổi với Bộ Thương mại, Ban vật giá Chính phủ, cơ quan quản lý ngành hàng theo nội dung, tính chất liên quan của khoản hỗ trợ.
- Các doanh nghiệp được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư này bao gồm: Doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu (chủ yếu là hàng nông sản), doanh nghiệp sản xuất hàng hoá trực tiếp xuất khẩu và doanh nghiệp khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Quỹ hỗ trợ xuất khẩu có tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước. Số dư còn lại đến ngày 12/10/1999 của Quỹ bình ổn giá và nguồn phụ thu đối với những mặt hàng đang thực hiện phụ thu vào Quỹ bình ổn giá theo Quyết định số 151/TTg ngày 12/4/1993, Quỹ thường xuất khẩu theo Quyết định số 764/QĐ-TTg ngày 24/8/1998 của Thủ tướng Chính phủ được chuyển vào tài khoản của Quỹ hỗ trợ xuất khẩu.

B. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I. CÁC KHOẢN THU VỀ QUỸ HỖ TRỢ XUẤT KHẨU:

1. Khoản thu chênh lệch giá hàng nhập khẩu, xuất khẩu:

1.1. Nguyên tắc tính chênh lệch giá:

a) Đối với hàng nhập khẩu là chênh lệch giữa giá bán trong nước được thị trường chấp nhận với giá vốn hàng nhập khẩu, bao gồm giá nhập khẩu có tính đủ chi phí vận tải, phí bảo hiểm đến cảng nhập khẩu, thuế nhập khẩu và các loại thuế khác theo Luật định.

Đối với các hàng hoá có chịu thuế nhập khẩu thì giá vốn hàng nhập khẩu nói trên được xác định bằng giá tính thuế nhập khẩu, thuế nhập khẩu và các loại thuế khác theo Luật định.

b) Đối với hàng xuất khẩu là chênh lệch giữa giá xuất khẩu thực tế (giá FOB) với giá vốn hàng xuất khẩu, bao gồm giá nua thực tế, thuế xuất khẩu theo Luật định và phí lưu thông trong nước.

Đối với các hàng hoá có chịu thuế xuất khẩu thì giá vốn hàng xuất khẩu nói trên được xác định bằng giá tính thuế xuất khẩu và thuế xuất khẩu.

c) Lượng hàng hoá để thu chênh lệch giá là lượng hàng hoá thực xuất khẩu, nhập khẩu ghi trong vận đơn phù hợp tờ khai hải quan.

d) Thời gian áp dụng thu khoản chênh lệch giá: theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Căn cứ vào thời điểm đăng ký tờ khai hải quan doanh nghiệp thực hiện việc nộp khoản chênh lệch này theo quy định.

e) Phần chênh lệch giá phải nộp xác định không vượt quá 60% tổng số chênh lệch giá thực tế phát sinh kể cả đối với hàng nhập khẩu và xuất khẩu. Khoản nộp này được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) đối với từng mặt hàng:

- Đối với hàng nhập khẩu, là tỷ lệ (%) giữa phần chênh lệch giá phải nộp với giá nhập khẩu thực tế, bao gồm cả phí vận chuyển ngoài nước, phí bảo hiểm về đến cảng nhập khẩu.

- Đối với hàng nhập khẩu, là tỷ lệ (%) giữa phần chênh lệch giá phải nộp với giá xuất khẩu thực tế tại cảng xuất khẩu, không tính chi phí nước ngoài.

1.2. Các mặt hàng không phải nộp chênh lệch giá bao gồm: hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu vào khu chế xuất; thiết bị vật tư hàng hoá nhập khẩu theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; hàng xuất khẩu, nhập khẩu để làm hàng mẫu, quảng cáo, dự hội chợ triển lãm; hàng viện trợ hoàn lại và không hoàn lại; hàng là quà biếu; hàng hoá và hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh.

1.3. Theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Ban Vật giá Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Thương mại, các cơ quan quản lý ngành hàng và Ủy Ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo dõi diễn biến giá cả trong cả trong và ngoài nước, phát hiện chênh lệch giá hàng xuất khẩu, hàng nhập khẩu, đề xuất danh mục hàng hoá, tỷ lệ, thời gian, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thu chênh lệch giá.

1.4. Các doanh nghiệp có mặt hàng thuộc diện phải nộp chênh lệch giá thực hiện việc nộp vào ngân sách Nhà nước qua tài khoản của Quỹ hỗ trợ xuất khẩu tại Kho bạc Nhà nước.

2. Các khoản thu lệ phí tính từ ngày 12/10/1999, gồm:

- Lệ phí đấu thầu hạn ngạch nhập khẩu, xuất khẩu.
- Lệ phí cấp hạn ngạch xuất khẩu, nhập khẩu.
- Lệ phí cấp giấy phép đặt và hoạt động của Văn phòng đại diện các tổ chức nước ngoài tại Việt Nam, mở chi nhánh công ty nước ngoài tại Việt Nam.
- Lệ phí cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá.

Các cơ quan có chức năng thực hiện việc thu các loại lệ phí nói trên được hưởng một khoản thù lao tối đa 10% (mười phần trăm) số lệ phí thực thu được trước khi nộp tiền vào ngân sách Nhà nước, để chi phí cho việc thu lệ phí theo quy định tại Thông tư số 54/1999/TT/BTC ngày 10/5/1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện

Nghị định số 04/1999/NĐ-CP ngày 30/1/1999 của Chính phủ về phí, lệ phí thuộc ngân sách Nhà nước. Số còn lại nộp vào ngân sách Nhà nước qua tài khoản của Quỹ hỗ trợ xuất khẩu tại Kho bạc Nhà nước.

3. Khoản thu về đóng góp của các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu đối với mặt hàng có chênh lệch giá hàng xuất nhập khẩu nhưng chưa áp dụng chế độ thu chênh lệch giá sẽ do Bộ Tài chính, Bộ Thương mại phối hợp với Ban Vật giá Chính phủ căn cứ vào tình hình giá cả thị trường của từng mặt hàng từng thời điểm để xác định phần chênh lệch giá, mức đóng góp để thông báo cho doanh nghiệp thực hiện.

4. Các khoản thu từ các nguồn khác theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Các khoản thu nêu trên, khi phát sinh được nộp toàn bộ vào Ngân sách Nhà nước qua tài khoản của Quỹ hỗ trợ xuất khẩu tại Kho bạc Nhà nước.

5. Ngoài các khoản thu trên, căn cứ vào nhiệm vụ, kế hoạch thu chi Quỹ hỗ trợ xuất khẩu, số dư chuyển sang năm sau của Quỹ, sau khi thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính lập kế hoạch trình Chính phủ mức bổ sung cho Quỹ hỗ trợ xuất khẩu trong dự toán ngân sách Nhà nước hàng năm.

II. NỘI DUNG SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ QUỸ HỖ TRỢ XUẤT KHẨU:

1. Nội dung sử dụng Quỹ hỗ trợ xuất khẩu:

a) Hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ lãi suất vay ngân hàng cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu mua hàng nông sản xuất khẩu theo giá sàn hoặc giá đảm bảo kinh doanh cho người sản xuất được Thủ tướng Chính phủ quy định.

b) Hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ phần chênh lệch lãi suất giữa lãi suất cho vay ngắn hạn của ngân hàng thương mại và lãi suất ưu đãi cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu mua hàng nông sản chờ xuất khẩu theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

c) Hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ lãi suất vay ngân hàng cho các doanh nghiệp làm nhiệm vụ dự trữ lưu thông theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

d) Hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ chênh lệch lãi suất giữa lãi suất cho vay ngắn hạn của ngân hàng thương mại và lãi suất ưu đãi cho doanh nghiệp thu mua, chế biến và